

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT THỊNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 21



### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Việt Thịnh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đình Trường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Chinh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Chương	Ủy viên
Ông Bùi Văn Tiên	Ủy viên
Ông Trần Minh Công	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Đình Chương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Trai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám Đốc Điều Hành
Bà Phạm Thị Hà Thanh	Giám Đốc Điều Hành/Kế toán trưởng

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
Nguyễn Đình Chương

Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Số. A31 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần May Việt Thịnh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần May Việt Thịnh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”).

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

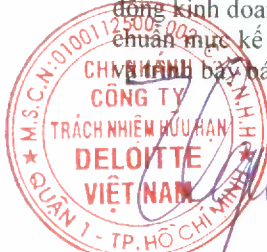
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Lê Chí Nguyễn**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0049-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Huỳnh Thanh Phương**  
**Kiểm toán viên**

Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 2061-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140)	<b>100</b>		<b>128.741.109.873</b>	<b>94.871.101.405</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>76.702.113.830</b>	<b>48.965.572.392</b>
1. Tiền	111		57.402.113.830	48.965.572.392
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.300.000.000	-
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.881.535.029</b>	<b>26.119.435.760</b>
1. Phải thu khách hàng	131		15.988.252.278	25.856.812.764
2. Trả trước cho người bán	132		358.931.674	252.082.350
3. Các khoản phải thu khác	135		534.351.077	10.540.646
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>35.157.461.014</b>	<b>19.786.093.253</b>
1. Hàng tồn kho	141		35.157.461.014	19.786.093.253
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+250)	<b>200</b>		<b>67.781.185.563</b>	<b>69.888.809.851</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>11.808.143.186</b>	<b>11.117.058.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218	<b>7</b>	11.808.143.186	11.117.058.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.948.763.696</b>	<b>35.625.656.070</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	32.916.149.407	35.532.070.877
- Nguyên giá	222		113.518.925.608	107.235.481.056
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.602.776.201)	(71.703.410.179)
2. Tài sản cố định vô hình	227		32.614.289	93.585.193
- Nguyên giá	228		412.824.050	445.714.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(380.209.761)	(352.129.717)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>23.024.278.681</b>	<b>23.146.095.781</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>9</b>	10.000.000.000	10.000.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>10</b>	14.620.570.000	14.620.570.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>10</b>	(1.596.291.319)	(1.474.474.219)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>196.522.295.436</b>	<b>164.759.911.256</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>117.908.750.664</b>	<b>90.773.773.647</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>117.886.207.774</b>	<b>90.751.230.757</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	500.000.000	600.000.000
2. Phải trả người bán	312		26.168.901.336	16.336.509.745
3. Người mua trả tiền trước	313		153.136.054	50.227.400
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	4.412.209.381	2.428.091.824
5. Phải trả người lao động	315		67.989.482.728	60.754.016.493
6. Chi phí phải trả	316		248.513.939	179.593.358
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	11.366.963.575	3.571.720.902
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.047.000.761	6.831.071.035
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>22.542.890</b>	<b>22.542.890</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		724.710	724.710
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		21.818.180	21.818.180
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>78.613.544.772</b>	<b>73.986.137.609</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	14	<b>78.613.544.772</b>	<b>73.986.137.609</b>
1. Vốn điều lệ	411		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.279.039.453	7.319.130.659
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.000.000.000	12.236.976.361
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.334.505.319	2.430.030.589
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>196.522.295.436</b>	<b>164.759.911.256</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2013	31/12/2012
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	68.947.770.242	97.520.040.382
2. Ngoại tệ (USD)	1.954.331.93	1.947.031.58



**Đào Trương Tâm Phúc**  
Người lập biểu



**Phạm Thị Hà Thanh**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Đình Chương**  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2014

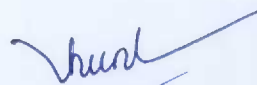
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 02-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		2013	2012
	Mã số	minh		
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		344.535.711.440	343.316.441.908
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		344.535.711.440	343.316.441.908
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		272.249.032.831	280.935.576.162
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		72.286.678.609	62.380.865.746
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	1.922.872.882	2.699.235.827
6. Chi phí tài chính	22	17	1.194.129.037	1.121.192.531
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		537.526.082	627.154.591
7. Chi phí bán hàng	24		6.704.643.780	7.031.703.170
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		41.983.221.920	34.912.086.727
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		24.327.556.754	22.015.119.145
10. Thu nhập khác	31		529.571.057	1.059.587.803
11. Chi phí khác	32		134.924.447	-
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		394.646.610	1.059.587.803
13. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.722.203.364	23.074.706.948
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	5.123.115.421	3.405.696.009
15. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		<u>19.599.087.943</u>	<u>19.669.010.939</u>



Đào Trương Tâm Phúc  
 Người lập biểu



Phạm Thị Hà Thanh  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Chương  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 24 tháng 3 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>24.722.203.364</i>	<i>23.074.706.948</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
1. Khấu hao tài sản cố định	02	9.808.843.475	10.061.346.408
2. Các khoản dự phòng	03	121.817.100	63.829.499
3. Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	55.968.659	61.453.577
4. Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.420.061.810)	(1.876.314.630)
5. Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05	(202.000.000)	(449.477.825)
6. Chi phí lãi vay	06	537.526.082	627.154.591
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>33.624.296.870</i>	<i>31.562.698.568</i>
1. Thay đổi các khoản phải thu	09	8.633.396.834	(7.130.531.267)
2. Thay đổi hàng tồn kho	10	(15.368.575.107)	7.295.194.283
3. Thay đổi các khoản phải trả	11	16.699.549.501	(5.400.302.646)
4. Thay đổi chi phí trả trước	12	134.090.544	-
5. Tiền lãi vay đã trả	13	(546.449.082)	(641.259.781)
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.606.943.929)	(4.461.619.473)
7. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	118.000.000	210.000.000
8. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.473.751.054)	(3.285.360.757)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>36.213.614.577</i>	<i>18.148.818.927</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(7.323.838.609)	(10.048.263.758)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	202.000.000	449.477.825
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.082.800.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(406.050.000)
5. Thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	1.335.924.033	1.916.295.896
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(5.785.914.576)</i>	<i>(6.005.740.037)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	29.233.508.911	30.374.711.289
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(29.333.508.911)	(36.627.990.873)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(2.600.000.000)	(18.200.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(2.700.000.000)</i>	<i>(24.453.279.584)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>27.727.700.001</b>	<b>(12.310.200.694)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>48.965.572.392</b>	<b>61.341.190.258</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.841.437	(65.417.172)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>76.702.113.830</b>	<b>48.965.572.392</b>